

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 08/01/2023**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Trần Hùng Dương	Nam	17/9/2005	Nghệ An	Kinh	7.3	8.5	01/QĐ15/2023	TH004504	
2	Trần Khánh Duy	Nam	21/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	02/QĐ15/2023	TH004505	
3	Đinh Thị Thu Hà	Nữ	27/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	03/QĐ15/2023	TH004506	
4	La Thị May Hằng	Nữ	18/3/2000	Nghệ An	Kinh	6.0	8.0	04/QĐ15/2023	TH004507	
5	Lang Vương Hoàng	Nam	19/6/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	05/QĐ15/2023	TH004508	
6	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	01/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	06/QĐ15/2023	TH004509	
7	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	10/8/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	07/QĐ15/2023	TH004510	
8	Dương Hải Huy	Nam	22/3/2004	Đà Nẵng	Kinh	6.0	8.0	08/QĐ15/2023	TH004511	
9	Lương Quang Huy	Nam	21/01/2003	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	09/QĐ15/2023	TH004512	
10	Nguyễn Thị Thúy Huyền	Nữ	20/4/2005	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.0	10/QĐ15/2023	TH004513	
11	Trần Thị Khánh Huyền	Nữ	22/01/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.0	11/QĐ15/2023	TH004514	
12	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	07/02/2005	Hà Tĩnh	Kinh	6.0	8.5	12/QĐ15/2023	TH004515	
13	Đào Xuân Lợi	Nam	06/10/1987	Hà Tĩnh	Kinh	8.7	8.5	13/QĐ15/2023	TH004516	
14	Nguyễn Thị Thảo Ly	Nữ	04/3/2005	Nghệ An	Kinh	7.0	6.5	14/QĐ15/2023	TH004517	
15	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	02/3/2004	Nghệ An	Kinh	5.7	6.0	15/QĐ15/2023	TH004518	
16	Nguyễn Lâm Nhi	Nữ	15/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	8.5	16/QĐ15/2023	TH004519	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
17	Nguyễn Lâm Quân	Nam	06/5/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	5.5	17/QĐ15/2023	TH004520	
18	Cao Thị Sen	Nữ	30/3/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	18/QĐ15/2023	TH004521	
19	Trần Thanh Sơn	Nam	21/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.0	19/QĐ15/2023	TH004522	
20	Trần Đình Thành	Nữ	27/02/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	20/QĐ15/2023	TH004523	
21	Phan Thị Thanh Thiên	Nữ	11/9/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	21/QĐ15/2023	TH004524	
22	Đinh Thị Ánh Thơ	Nữ	21/4/2005	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	5.5	22/QĐ15/2023	TH004525	
23	Đỗ Thị Hoài Thương	Nữ	17/01/1994	Nghệ An	Kinh	5.7	8.0	23/QĐ15/2023	TH004526	
24	Hồ Ngọc Thương	Nam	20/12/2004	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.0	24/QĐ15/2023	TH004527	
25	Trần Văn Tiến	Nam	01/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	25/QĐ15/2023	TH004528	
26	Nguyễn Thị Vân	Nữ	18/10/1994	Nghệ An	Kinh	6.7	5.0	26/QĐ15/2023	TH004529	
27	Đoàn Văn Vinh	Nam	08/7/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	7.5	27/QĐ15/2023	TH004530	
28	Trương Kỳ Anh	Nam	21/10/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	9.0	28/QĐ15/2023	TH004531	
29	Lương Thị Hồng Chúc	Nữ	21/3/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	8.0	29/QĐ15/2023	TH004532	
30	Nguyễn Văn Cường	Nam	09/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	30/QĐ15/2023	TH004533	
31	Nguyễn Hồng Đào	Nam	29/5/2004	Nghệ An	Kinh	6.0	6.0	31/QĐ15/2023	TH004534	
32	Lô Văn Điệp	Nam	18/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	32/QĐ15/2023	TH004535	
33	Nguyễn Hoàng Định	Nam	31/8/2005	Thanh Hóa	Kinh	6.0	9.0	33/QĐ15/2023	TH004536	
34	Đinh Thái Đức	Nam	18/01/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	34/QĐ15/2023	TH004537	
35	Hoàng Anh Đức	Nam	23/6/2005	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	35/QĐ15/2023	TH004538	
36	Nguyễn Văn Tài Em	Nam	06/11/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	36/QĐ15/2023	TH004539	
37	Kim Thị Hồng Hạnh	Nữ	12/9/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	37/QĐ15/2023	TH004540	
38	Vũ Hồng Hào	Nam	10/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.0	38/QĐ15/2023	TH004541	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
39	Quang Việt Hoàn	Nam	26/5/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	7.5	39/QĐ15/2023	TH004542	
40	Lương Văn Hoàng	Nam	03/8/2005	Thanh Hóa	Kinh	6.0	7.5	40/QĐ15/2023	TH004543	
41	Vi Văn Khải	Nam	23/10/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	41/QĐ15/2023	TH004544	
42	Lô Thị Nhật Lệ	Nữ	14/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	42/QĐ15/2023	TH004545	
43	Lữ Thị Linh	Nữ	01/6/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	8.5	43/QĐ15/2023	TH004546	
44	Nguyễn Thị Sao Mai	Nữ	16/12/2005	Nghệ An	Kinh	5.0	8.0	44/QĐ15/2023	TH004547	
45	Trần Thủy Ngân	Nữ	08/8/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	45/QĐ15/2023	TH004548	
46	Hồ Thanh Nguyên	Nam	25/9/2004	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	46/QĐ15/2023	TH004549	
47	Nguyễn Đoàn Thanh Nhi	Nữ	20/7/2005	Hà Tĩnh	Kinh	5.7	6.5	47/QĐ15/2023	TH004550	
48	Lữ Anh Quốc	Nam	07/7/2005	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	48/QĐ15/2023	TH004551	
49	Hoàng Đình Quý	Nam	02/12/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	5.0	49/QĐ15/2023	TH004552	
50	Hà Quốc Sáng	Nam	18/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.7	7.5	50/QĐ15/2023	TH004553	
51	Phạm Anh Thư	Nữ	29/11/2005	Nghệ An	Kinh	5.3	6.5	51/QĐ15/2023	TH004554	
52	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	02/4/2005	Nghệ An	Kinh	6.3	6.5	52/QĐ15/2023	TH004555	
53	Hà Ngọc Văn	Nam	06/02/2004	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	53/QĐ15/2023	TH004556	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

